

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần “DATP 4: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng
Nông Lâm Đông Bắc, giai đoạn 2”
thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền
núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND thị xã Quảng Yên phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trụ sở chính (Khu A) Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc tại phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ các Quyết định số 3237/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 và số 2966/QĐ-BNN-KH ngày 04/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng”;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 tại Tờ trình số 852/TTr-BQL-TĐ ngày 01/12/2022 và Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc tại Tờ trình số 211/TTr-CDNLĐB ngày 01/12/2022 trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần “DATP 4: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, giai đoạn 2” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 2053/BC-XD-TĐ ngày 30/12/2022) và các Vụ trưởng Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “DATP 4: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, giai đoạn 2” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:

Dự án thành phần “DATP 4: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, giai đoạn 2” thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng”.

2. Loại, nhóm dự án; cấp công trình chính:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Dự án nhóm B; công trình cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1.

5. Chủ đầu tư dự án thành phần (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc.

6. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án:

Liên danh Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Thăng Long – Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng đô thị - Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và lắp đặt thiết bị Việt Nam – VINACE – Công ty cổ phần Kiến trúc và xây dựng AVITYCO – Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng.

Chủ nhiệm thiết kế: KTS Lê Thế Diệp.

7. Mục tiêu đầu tư:

Tăng cường cơ sở vật chất, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu cho giáo viên và học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc.

8. Địa điểm xây dựng: Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc - Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

9. Quy mô, nội dung đầu tư:

- Xây dựng Nhà Ký túc xá (C5), quy mô 4 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 2.420 m²;

- Xây dựng Nhà học thực hành (B6) cao 3 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 1.010m².

- Cải tạo sân vườn, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

- Mua sắm trang thiết bị.

10. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Nhà Ký túc xá (C5):

- Kiến trúc: Cao 4 tầng, diện tích xây dựng khoảng 605m^2 ; tầng 1 cao 3,9m; tầng 2, 3, 4 cao 3,6m; chiều cao công trình tới đỉnh mái là 16,2m; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 2.420m^2 .

- Mặt bằng các tầng gồm các phòng ký túc xá khép kín (với phòng vệ sinh, phòng tắm); tầng 1 bố trí phòng y tế. Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ; giao thông ngang sử dụng hành lang bên rộng 2,1m.

- Kết cấu: Móng sử dụng móng cọc BTCT, đài và dầm móng BTCT. Phần thân sử dụng khung, cột, dầm, sàn, sàn mái bằng BTCT, mái lợp tôn, vì kèo thép. Tường xây bằng gạch không nung.

- Hoàn thiện: Nền, sàn các phòng làm việc, hành lang lát gạch. Khu vệ sinh lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính. Trát tường bằng vữa xi măng, lăn sơn hoàn thiện. Cửa đi, cửa sổ, vách kính công trình sử dụng khung nhôm hệ (tương đương Xingfa), kính dán an toàn.

- Cấp điện: Nguồn điện được đầu nối bằng cáp điện từ Trạm biến áp hiện có của Trường đến tủ điện tổng khu nhà; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, ổ cắm cho công trình. Hệ thống chống sét sử dụng thiết bị thu sét tia tiền đạo lắp đặt trên đỉnh mái kết hợp với dây thoát sét, cọc tiếp địa.

- Điện nhẹ: Lắp đặt hệ thống mạng LAN cho công trình.

- Cấp nước: Nguồn nước được lấy từ trạm cấp nước chung của trường. Hệ thống cấp nước bao gồm bể nước ngầm, bơm nước và két nước trên mái; đường ống dẫn từ két nước trên mái xuống nơi tiêu thụ bằng ống PPR.

- Nước thải được xử lý qua các bể tự hoại ngoài nhà, chảy vào ga thoát vào hệ thống rãnh hiện có trong khu vực công trình bằng ống uPVC. Hệ thống thoát nước mưa được dẫn vào mạng thoát nước ngoài nhà.

- Hệ thống PCCC: Lắp đặt trung tâm báo cháy, đầu báo cháy, hệ thống bơm chữa cháy và ống nước chữa cháy; trang bị bình bọt chữa cháy.

- Thi công chống mối công trình bằng thuốc chống mối chuyên dụng.

- Hạ tầng ngoài nhà khu ký túc xá:

+ Sân có diện tích khoảng 933m^2 , mặt sân lát gạch trên nền bê tông XM và lớp đất nền đầm chặt.

+ Rãnh thoát nước: Chiều dài khoảng dài 172m; rãnh xây bằng gạch đặc, vữa XM; đáy rãnh và tấm đan bằng BT.

+ Xây mới bể chứa nước sinh hoạt dung tích khoảng 100m^3 , kết cấu bằng BTCT. Lắp đặt hệ thống chiếu sáng ngoài nhà và một số tiểu mục khác.

b) Nhà học thực hành (B6):

- Kiến trúc: Công trình cao 3 tầng, diện tích xây dựng 356m^2 ; tầng 1 cao 3,9m, tầng 2, 3 cao 3,6m; chiều cao đến đỉnh mái là 12,6m; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.010m^2 .

- Mặt bằng: Tầng 1 gồm phòng thực hành chế biến thực phẩm và mô hình

phòng ăn. Tầng 2, 3 gồm các phòng thực hành pha chế, mô hình dịch vụ khác sạn, 3 sao, 4 sao. Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ, giao thông ngang sử dụng hành lang giữa rộng 2,1m.

- Kết cấu: Móng sử dụng móng cọc BTCT, đài và dầm móng BTCT. Phần thân sử dụng khung, cột, dầm, sàn, sàn mái bằng BTCT. Tường xây bằng gạch không nung.

- Các nội dung khác: Hoàn thiện, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, điện nhẹ, PCCC, chống sét, phòng chống mối tương tự Nhà ký túc xá C5.

- Hạ tầng ngoài nhà khu nhà học thực hành:

+ Sân có diện tích khoảng 1.070m², mặt sân lát gạch trên nền bê tông XM và lớp đất nền đầm chặt. Xây mới bó vỉa bồn hoa dài khoảng 71m bằng gạch không nung, vữa XM; Đài phun nước hình tròn đường kính 9,1m, xây bằng gạch không nung vữa XM, đáy bằng BTCT. Lắp đặt hệ thống chiếu sáng ngoài nhà và một số tiểu mục khác.

+ Rãnh thoát nước: Chiều dài khoảng dài 122m; rãnh xây bằng gạch đặc, vữa XM; đáy rãnh và tấm đan bằng BT.

+ Xây mới bể chứa nước sinh hoạt dung tích khoảng 20m³, kết cấu đáy và nắp bể bằng BTCT, tường xây gạch đặc, vữa XM.

c) Cải tạo sân vườn, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

- Bể nước ngầm, trạm bơm PCCC:

+ Bể nước ngầm dung tích khoảng 250m³, kết cấu đáy, thành, nắp bể bằng BTCT; ống cấp nước từ trạm bơm cho các hạng mục công trình.

+ Trạm bơm nước: 01 tầng, cao 3,0m; diện tích 11m² đặt trên nắp bể ngầm; sử dụng tường xây bằng gạch đặc không nung vữa XM; các cửa đi, cửa sổ bằng khung thép, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ.

- Tường rào, cống thoát nước:

+ Tường rào đặc cao 2,2m, chiều dài khoảng 350m xây bằng gạch không nung, vữa XM; phía trên lắp rào thép gai.

+ Cống thoát nước đầu nối từ hệ thống rãnh ngoài nhà với tuyến cống thoát nước khu vực.

d) Thiết bị: máy bơm nước; điện nhẹ, điều hòa không khí, thông gió, PCCC, thiết bị giường, tủ nhà ký túc xá C5,...

(Chi tiết phụ lục I kèm theo)

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: QCVN 03: 2012/BXD; QCVN 05: 2008; QCVN 06: 2020/BXD; TCVN 4319:2012; TCVN 9210:2012; TCVN 2737: 2020; TCVN 9386 : 2012; TCVN 9362: 2012; TCVN 5574 : 2018; QCVN 12: 2014; TCXDVN 33: 2006 và các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư dự án thành phần lập theo quy định tại Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn; giá nhân công xây dựng, giá vật tư, vật liệu, giá ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá số 3629/CBG-SXD ngày 29/9/2022 của tỉnh Quảng Ninh và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

- Tổng mức đầu tư được duyệt: **60.000.000.000 đồng** (Sáu mươi tỷ đồng)

Chia ra:

+ Chi phí xây dựng:	42.019.770.000 đồng;
+ Chi phí thiết bị:	3.036.056.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	1.150.726.000 đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.574.628.000 đồng;
+ Chi phí khác:	685.349.000 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	9.533.471.000 đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

15. Tiến độ thực hiện dự án thành phần: 04 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1:

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan đến toàn bộ dự án đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ trong đầu tư toàn dự án.

- Lập hồ sơ nghiệm thu và trình duyệt quyết toán giai đoạn chuẩn bị dự án.

- Cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc để triển khai các bước tiếp theo.

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo NCKT theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến được nêu trong Báo cáo kết quả thẩm định của Cục Quản lý xây dựng công trình.

- Lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức quản lý thực hiện và nhiệm vụ của chủ đầu tư dự án thành phần theo quy định.

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án thành phần theo đúng nội dung Quyết định đầu tư, các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả.

- Trình Bộ (qua Cục QLXDCT) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần, phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp,

tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục Quản lý xây dựng công trình thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý:

+ Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình, quy trình vận hành thiết bị đúng quy định.

+ Xác định chi tiết số lượng, đặc tính, thông số kỹ thuật thiết bị phù hợp với nhu cầu sử dụng; tổ chức thẩm định giá thiết bị làm cơ sở phê duyệt dự toán.

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định và các thủ tục thanh lý tài sản, phá dỡ công trình trước khi triển khai thi công xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì trình quyết toán kinh phí dự án thành phần giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng theo quy định.

3. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước theo tiến độ thực hiện dự án thành phần và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

4. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán niên độ và hoàn thành dự án thành phần; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về thanh lý tài sản theo quy định.

5. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 1, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTTr Trần Thanh Nam;
- Các Bộ: KHĐT và TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (12b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I:

DANH MỤC THIẾT BỊ CHỦ YẾU

**Dự án thành phần “DATP 4: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng
Nông Lâm Đông Bắc, giai đoạn 2”**

(Kèm theo Quyết định số **120** /QĐ-BNN-XD, ngày **04** tháng **01** năm **2023**
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	Nhà Ký túc xá C5		
1	Máy bơm nước động cơ điện	cái	2
2	Hệ thống thiết bị điện nhẹ	HT	1
3	Hệ thống Thiết bị PCCC	HT	1
II	Nhà học thực hành B6		
1	Máy bơm nước động cơ điện	cái	2
2	Thiết bị điều hòa, thông gió		
-	Điều hòa âm trần	bộ	20
-	Điều hòa âm trần nổi ống gió	bộ	8
-	Quạt cấp khí tươi các loại	HT	7
-	Quạt hướng trục và quạt âm trần	cái	9
3	Hệ thống thiết bị điện nhẹ	HT	1
4	Hệ thống thiết bị PCCC	HT	1
III	Thiết bị hạ tầng ngoài nhà (trạm bơm, đài phun nước)		
1	Thiết bị Trạm bơm		
-	Tủ điều khiển bơm chữa cháy	tủ	1
-	Máy bơm nước chữa cháy động cơ điện	chiếc	2
-	Máy bơm bù áp	chiếc	1
2	Thiết bị đài phun nước		
-	Máy bơm nước đặt chìm	chiếc	3
IV	Thiết bị nội thất (giường, tủ Ký túc xá C5)		
-	Giường y tế	cái	8
-	Tủ y tế	cái	3
-	Bàn làm việc	cái	1
-	Ghế bác sỹ	cái	2
-	Ghế bệnh nhân	cái	2
-	Giường tầng	cái	180
-	Tủ cá nhân	cái	180

Nam

Phụ lục II:

CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án thành phần "DATP 4: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng
Nông Lâm Đông Bắc, giai đoạn 2"**

(Kèm theo Quyết định số: 120/QĐ-BNN-XD, ngày 04 tháng 04 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung đầu tư	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	60.000.000
I	Chi phí xây dựng	42.019.770
1	Nhà ký túc xá C5 và hạ tầng ngoài nhà	25.013.900
2	Nhà thực hành B6 và hạ tầng ngoài nhà	13.264.392
3	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (Bể nước ngầm, trạm bơm PCCC, hàng rào, công thoát nước)	3.741.478
II	Chi phí thiết bị (Tạm tính - xem chi tiết tại phụ lục I)	3.036.056
1	Thiết bị nhà ký túc xá C5	488.268
2	Thiết bị nhà thực hành B6	1.016.144
3	Thiết bị hạng mục hạ tầng ngoài nhà	381.832
4	Thiết bị nội thất	1.149.812
III	Chi phí quản lý dự án	1.150.726
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	18.000
2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	1.132.726
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.574.628
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	721.976
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	13.496
2	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	5.525
3	Chi phí khảo sát địa chất	327.808
4	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (TT)	329.809
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi (TT)	31.990
6	Chi phí giám sát khảo sát	13.348
IV.2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	2.852.652
1	Chi phí khảo sát địa chất giai đoạn lập TKBVTC (nếu cần)	327.808
2	Chi phí thiết kế BVTC, dự toán	1.042.090
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	58.407
4	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	55.886
5	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	90.763
6	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị	8.531

Handwritten signature

TT	Nội dung đầu tư	Thành tiền
7	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	5.712
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	45.056
9	Thí nghiệm nén tĩnh cọc	270.439
10	Chi phí thẩm định giá thiết bị	7.287
11	Chi phí giám sát khảo sát	13.348
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	905.526
13	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	21.799
V	Chi phí khác	685.349
1	Phí thẩm định báo cáo NCKT	6.758
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	39.078
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng	37.398
4	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	22.691
5	Bảo hiểm công trình xây dựng	50.424
6	Kiểm tra công tác nghiệm thu	190.000
7	Chi phí kiểm toán	257.400
8	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	81.600
VI	Chi phí dự phòng	9.533.471
1	Cho khối lượng, công việc phát sinh	5.546.653
2	Cho yếu tố trượt giá	3.986.818

